

TCVN.....: 2021

Xuất bản lần 1

(Dự thảo)

**GIỐNG CÂY ĂN QUẢ LÂU NĂM –
CÂY ĐÀU DÒNG, VƯỜN CÂY ĐÀU DÒNG
PHẦN 1: CÂY CAM**

Fruit tree cultivar – Elite tree and Elite orchard

Part 1: Orange

Lời nói đầu

TCVN ...:2020 do Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam biên soạn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đề nghị, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Bộ tiêu chuẩn TCVN:2020 *Giống cây ăn quả lâu năm – Cây đầu dòng và vườn cây đầu dòng* gồm các phần sau đây:

- TCVN:2020. *Phần 1: Cây cam;*
- TCVN:2020. *Phần 2: Cây bưởi.*
- TCVN:2020. *Phần 3: Cây chuối.*

Giống cây ăn quả lâu năm – Cây đầu dòng và vườn cây đầu dòng

Phần 1: Cây cam

Fruit tree cultivar – Elite tree and Elite orchard

Part 1: Orange

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định các tiêu chí đánh giá về cây đầu dòng và vườn cây đầu dòng đối với các giống cây trồng thuộc loài cam chanh (*Citrus sinensis*) và cam sành (*Citrus nobilis*).

2 Thuật ngữ và định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này sử dụng các thuật ngữ và định nghĩa sau:

2.1

Quần thể (Plant Population)

Tập hợp các cá thể của cùng một giống được trồng trong một phạm vi địa lý do tổ chức có thẩm quyền bình tuyển xác định.

2.2

Cây đầu dòng (Elite trees)

Là cây tốt nhất được bình tuyển và công nhận từ quần thể của một giống cây trồng.

2.3

Vườn cây đầu dòng (Elite orchard)

Là vườn cây được nhân từ cây đầu dòng hoặc vườn cây do tổ chức, cá nhân thiết lập được thẩm định và công nhận.

2.4

Tính trạng đặc trưng của giống (Specific characteristics)

Là những tính trạng được sử dụng trong khảo nghiệm đánh giá tính khác biệt của giống.

3 Tiêu chuẩn chất lượng và yêu cầu kỹ thuật

3.1 Cây đầu dòng

- Phải được tổ chức có thẩm quyền công nhận theo quy định.
- Phải mang các tính trạng đặc trưng của giống.
- Phải có năng suất quả cao hơn tối thiểu 10% so với năng suất trung bình của quần thể tại nơi bình tuyển; năng suất ổn định liên tục từ 3 vụ quả trở lên tính đến thời điểm công nhận.
- Phải đáp ứng giới hạn về mức độ nhiễm một số đối tượng sinh vật gây hại theo quy định tại Bảng 1.
- Chỉ được khai thác tối đa 5 đợt cành/năm.

3.2 Vườn cây đầu dòng

- Phải được thiết lập từ vật liệu nhân giống khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng được công nhận theo quy định.
- Phải được lưu giữ trong nhà lưới chống côn trùng, kích thước ô lưới đạt tối thiểu là 90 ô/cm².
- Mỗi cây chỉ được khai thác tối đa 5 đợt cành/năm.
- Phải đáp ứng giới hạn về mức độ nhiễm một số đối tượng sinh vật gây hại theo quy định tại Bảng 1.
- Phải có hồ sơ thiết lập, nhật ký chăm sóc, lưu giữ, khai thác và công nhận vườn cây đầu dòng.

Bảng 1 - Giới hạn mức độ nhiễm một số đối tượng sinh vật gây hại trên cây cam đầu dòng và vườn cây cam đầu dòng

| TT | Chỉ tiêu | Thời điểm quan sát | Đơn vị tính | Mức giới hạn | |
|----|---|----------------------|-------------|--------------|-------------------|
| | | | | Cây đầu dòng | Vườn cây đầu dòng |
| 1 | Mức độ nhiễm bệnh loét | Tất cả các thời điểm | Cấp bệnh* | 1 | 1 |
| 2 | Mức độ nhiễm bệnh chảy gôm | Tất cả các thời điểm | Cấp bệnh** | 1 | 1 |
| 3 | Sự hiện diện vi khuẩn <i>Liberibacter asiaticus</i> gây bệnh greening | Tất cả các thời điểm | - | Âm tính | Âm tính |
| 4 | Sự hiện diện của virus <i>Closterovirus</i> gây bệnh tristeza | Tất cả các thời điểm | - | Âm tính | Âm tính |

| | | | | | |
|---|---------------------------------|----------------------|--------|----|----|
| 5 | Mức độ nhện đỏ | Tất cả các thời điểm | Con/lá | <5 | <5 |
| 6 | Tỷ lệ cây bị đục thân, đục cành | Tất cả các thời điểm | % | 0 | 0 |

Ghi chú:

*: **Phân cấp:** cấp 0: không có là bị bệnh; cấp 1: diện tích lá bị bệnh >0 – 5%; cấp 2: diện tích lá bị bệnh >5 – 10%; cấp 3: diện tích lá bị bệnh >10 - 15%; cấp 4: diện tích lá bị bệnh >15 - 25%; cấp 5: diện tích lá bị bệnh >25%;

****: Thang phân cấp:** cấp 0: không có là bị bệnh; cấp 1: diện tích lá bị bệnh >0 – 10%; cấp 2: diện tích lá bị bệnh >10 – 20%; cấp 3: diện tích lá bị bệnh >20 - 40%; cấp 4: diện tích lá bị bệnh >40 - 60%; cấp 5: diện tích lá bị bệnh >60%.

4 Phương pháp kiểm tra

- Kiểm tra hồ sơ về nguồn gốc, bình tuyển, thiết lập, công nhận cây đầu dòng và vườn cây đầu dòng.
- Kiểm tra các tính trạng đặc trưng của giống: theo các chỉ tiêu và mô tả tính trạng đặc trưng của giống quy định tại TCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định (DUS) đối với giống cây trồng thuộc loài cam chanh (*Citrus sinensis*) và cam sành (*Citrus nobilis*).
- Kiểm tra năng suất: thông qua xác định trực tiếp (ít nhất 2 năm) trên vườn kết hợp với phỏng vấn chủ hộ.
- Kiểm tra mức độ nhiễm các đối tượng sinh vật gây hại: quan trắc trực tiếp trên vườn, đối chiếu với các triệu chứng gây hại đặc trưng của sinh vật hại và kết hợp giám định sinh vật hại trong phòng thí nghiệm. Kiểm tra sự hiện diện của vi khuẩn *Liberibacter asiaticus* bằng kĩ thuật PCR và virus *Closterovirus* kĩ thuật ELISA.

Thư mục tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Nông nghiệp và PTNT (2007), Quy phạm khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống cam, quýt (Tiêu chuẩn ngành – 10TCN:2007)
 - [2] Bộ Nông nghiệp và PTNT (2016), Tiêu chuẩn ngành 10TCN 601-2004 Cây đầu dòng – Cây ăn quả
 - [3] Bộ Khoa học và Công nghệ (2016), TCVN 9302: 2013 *Cây giống cam, quýt, bưởi – Yêu cầu kỹ thuật.*
 - [4] Bộ Nông nghiệp và PTNT (2007), Quy phạm khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống cam, quýt (Tiêu chuẩn ngành – 10TCN:2007)
 - [5] Bộ Nông nghiệp và PTNT (2013), Tiêu Chuẩn Quốc Gia TCVN 9302:2013. Cây giống cam, quýt, bưởi – Yêu cầu kỹ thuật.
 - [6] Bộ Nông nghiệp và PTNT (2018), Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 8550:2018. Giống cây trồng – Phương pháp kiểm định đồng ruộng.
 - [7] Bộ Nông nghiệp và PTNT (2010), Quy chuẩn Việt Nam QCVN 01-38: 2010/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây trồng.
 - [8] Bộ Nông nghiệp và PTNT (2012), Quy chuẩn Quốc gia QCVN 01 – 119:2012/BNNPTNT về phương pháp điều tra phát hiện sinh vật hại trên cây ăn quả có múi.
-